

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24-3-2021

V/v yêu cầu không công nhận
quan hệ vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Thành Công;

Ông Nguyễn Văn Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vui – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021 về việc yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972; nơi cư trú: ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1962; nơi cư trú: ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 01 năm 2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà T và ông Nguyễn Văn L chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1989, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn.

Về con chung: quá trình chung sống có 02 con chung là Nguyễn Hữu P, sinh ngày 04 tháng 02 năm 1991 và Nguyễn Thị H, sinh ngày 25 tháng 11 năm 1994. Hai con chung đã trưởng thành, lập gia đình và sống riêng.

Quá trình chung sống: có tài sản chung, không có nợ chung.

Quá trình chung sống nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bà T và ông L không còn chung sống từ năm 2009 cho đến nay. Nhận thấy, hai bên không thể chung sống với nhau được nữa, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Nguyễn Văn L.

Về con chung: đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 05 tháng 3 năm 2021, và quá trình tham gia tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:

Thống nhất như lời khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về thời điểm chung sống, về con chung, tài sản chung, nợ chung.

Nay, bà T yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng, ông L đồng ý.

Về con chung: đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Bà T, ông L giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trong quá trình tham gia tố tụng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể như sau: không công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn L là vợ chồng; về con chung: đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét; về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Nguyễn Văn L có nơi cư trú tại ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện ông Nguyễn Văn L, yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng, do đó quan hệ pháp luật tranh chấp là yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà T và ông L chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1989, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với ông L là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà T và ông L có 02 con chung là Nguyễn Hữu P, sinh ngày 04 tháng 02 năm 1991 và Nguyễn Thị H, sinh ngày 25 tháng 11 năm 1994. Hai con chung đã trưởng thành, bà T và ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông L không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về nội dung vụ án là phù hợp.

[4] Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đối với bị đơn ông Nguyễn Văn L về việc yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn L.

- Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Hữu P, sinh ngày 04 tháng 02 năm 1991 và Nguyễn Thị H, sinh ngày 25 tháng 11 năm 1994. Con chung đã trưởng thành, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn L không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn L không tranh chấp nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0039317 ngày 02 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ánh Tuyết